

Đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành công nghệ cao Cần có những chính sách đột phá

Hiện nay, việc ứng dụng kết quả nghiên cứu một số lĩnh vực cho các ngành công nghệ cao như công nghệ thông tin - truyền thông, công nghệ sinh học đang ngày càng được nhân rộng trong các ngành kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, việc đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao của nước ta hiện đang gặp rất nhiều khó khăn, bất cập, chưa đáp ứng được sự phát triển của các ngành kinh tế - xã hội, trong đó có việc đào tạo nhân lực thuộc lĩnh vực công nghệ điện hạt nhân.

Số liệu thống kê cho thấy, các trường đại học trong cả nước cung cấp cho thị trường nguồn nhân lực công nghệ thông tin trung bình là 110.000 kỹ sư/năm, nhưng chỉ có khoảng 10% sinh viên khi tốt nghiệp ngành này có thể đáp ứng được yêu cầu công việc. Một điều đáng quan tâm nữa là cho đến nay, Việt Nam chưa sở hữu được bất kỳ công nghệ nguồn, công nghệ cốt lõi thuộc lĩnh vực công nghệ cao, mà chỉ dừng ở mức độ làm chủ được một vài công đoạn, một số quá trình hoặc một số yếu tố công nghệ cao nào đó.

Theo dự kiến đến năm 2020, các trường đại học cần tuyển 30.000 sinh viên công nghệ thông tin, 25.000 sinh viên công nghệ sinh học, 25.000 sinh viên công nghệ tự động hoá và 25.000 sinh viên công nghệ vật liệu. Bên cạnh đó, phải đào tạo 28.000 người có trình độ sau đại học về lĩnh vực này. Tuy nhiên, hiện nay, đội ngũ giảng viên tại các trường đại học về công nghệ cao còn thiếu. Trong tổng số hơn 5.000 giảng viên cơ hữu của 10 trường đại học được thống kê, chỉ có khoảng 1.500 giảng viên đúng chuyên ngành công nghệ cao, chiếm tỷ lệ khoảng 30%. Đây là thách thức lớn và cũng là áp lực lớn đối với việc đào tạo nhân lực cho các ngành công nghệ cao ở nước ta.

Hiện nay, có khá nhiều mô hình đào tạo nhân lực công nghệ



Phó trưởng Ban tổ chức và nhân sự EVN, hướng dẫn các thủ tục cam kết làm việc với EVN cho sinh viên đi đào tạo ĐHN tại Nga

cao được triển khai tại Việt Nam như gửi đi đào tạo ở nước ngoài và đào tạo tại các cơ sở giáo dục trong nước, liên kết đào tạo vừa học vừa làm theo nhu cầu của doanh nghiệp... Theo đó, chương trình đào tạo bằng ngân sách nhà nước đã đào tạo được gần 2.000 cán bộ từ đại học trở lên ở nhiều nước có nền khoa học công nghệ tiên tiến. Phần lớn các ngành đào tạo liên quan đến công nghệ thông tin - truyền thông, công nghệ sinh học, tự động hoá và cơ điện tử, công nghệ nano. Hay thông qua hoạt động của Quỹ Giáo dục Việt Nam - Hoa Kỳ, Việt Nam cũng đã gửi đào tạo được hơn 100 tiến sĩ, thạc sĩ. Ngoài ra, trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực điện hạt nhân của nước ta cũng được đánh giá tương đối mạnh. Đây là kết quả của quá trình đào tạo trong nhiều năm tại

các nước Đông Âu và Liên Xô. Tuy nhiên đến nay, đội ngũ này đã bắt đầu lớn tuổi, do đó cần phải đào tạo cán bộ trẻ tiếp cận với công nghệ mới, với tri thức khoa học mới về công nghệ hạt nhân. Chính vì vậy, nhiều chuyên gia đã chia sẻ mối lo ngại về nguồn nhân lực cho hạt nhân, vì nếu không có chính sách phù hợp mang tính đột phá thì chắc chắn sẽ không chuẩn bị được đội ngũ cán bộ, các nhà khoa học, kỹ thuật viên, công nhân có đủ trình độ để vận hành nhà máy.

Trên thực tế, Chính phủ đã có chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho điện hạt nhân, trong đó dành khoảng 2.000 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước để đào tạo cán bộ khoa học trong lĩnh vực này, từ trình độ cao đẳng, đại học đến trên đại học, cũng như đào tạo chuyên gia cho các lĩnh vực khác nhau. Đồng thời, Tập đoàn Điện lực Việt

Nam đã dành khoảng 1.000 tỷ đồng để đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân vận hành nhà máy điện hạt nhân. Tuy nhiên, nguồn kinh phí chỉ có thể phát huy hiệu quả nếu có chính sách đãi ngộ phù hợp, có như thế nước ta mới đảm bảo được sự an toàn cũng như hiệu quả hoạt động của điện hạt nhân trong tương lai.

Theo dự kiến, Nhà máy Điện hạt nhân Ninh Thuận 1 khởi công vào tháng 12 năm 2014, vận hành thương mại tổ máy số 1 vào năm 2020. Theo nhận định, nhân lực cho dự án điện hạt nhân (chỉ tính riêng nhân lực phục vụ việc vận hành nhà máy điện hạt nhân sau này) sẽ cần khoảng 2.000 cán bộ kỹ thuật cho 2 nhà máy Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2. Mỗi nhà máy có 2 lò phản ứng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, nước ta mới có khoảng 300 - 500 chuyên gia, nhưng chủ yếu là trong lĩnh vực vật lý hạt nhân chứ không phải công nghệ hạt nhân và Việt Nam chưa

có nhân lực về công nghệ hạt nhân như xử lý sự cố.

Việc thiếu hụt nhân lực cùng với sự gắn kết chưa chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu sản xuất cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc đưa kết quả nghiên cứu vào ứng dụng và thương mại hoá. Tuy nhiên, thời gian vừa qua, việc đào tạo nhân lực khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao vẫn chủ yếu là gửi đi đào tạo ở nước ngoài và đào tạo tại các cơ sở giáo dục trong nước. Đối với dự án nhà máy điện hạt nhân, để chuẩn bị nhân lực, hàng năm Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị liên quan tuyển sinh cán bộ, sinh viên đi đào tạo kỹ sư, thạc sỹ các chuyên ngành điện hạt nhân tại Đại học Tổng hợp nghiên cứu hạt nhân quốc gia Nga theo chương trình hợp tác đào tạo chuyên gia trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử của Việt Nam giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tập đoàn Năng lượng nguyên tử

quốc gia Nga (Rosatom), trong đó, kinh phí đào tạo do Rosatom tài trợ 50%, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đài thọ 50%.

Việt Nam cần tăng cường đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động phát triển công nghệ cao, trong đó cần tăng cường đào tạo công nhân kỹ thuật, đặc biệt là công nhân có tay nghề cao. Một số giải pháp có thể triển khai thực hiện là nâng cao hiệu quả của chính sách đối với nguồn nhân lực công nghệ cao, như: chính sách tiền lương; chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài, trí thức Việt kiều; đồng thời tạo liên kết viện - trường - doanh nghiệp thành mạng lưới nghiên cứu - đào tạo - sản xuất sản phẩm công nghệ cao. Không những thế, rất cần xây dựng danh mục các chuyên ngành đào tạo cụ thể trong từng lĩnh vực công nghệ cao ở bậc đại học, thống nhất chương trình khung đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực công nghệ cao...❖

Thanh Tú

6 tháng đầu năm 2012: Tiêu thụ và sản xuất thép giảm mạnh

Theo Hiệp hội Thép Việt Nam, 6 tháng đầu năm 2012, sản xuất thép và tiêu thụ thép đều giảm mạnh. Đây là điều chưa từng gặp trong vòng 10 năm nay. Cụ thể, sản xuất thép đạt 4.637.100 tấn, giảm 3,39% so với cùng kỳ năm 2011, trong đó, thép xây dựng đạt 2.605.541 tấn, giảm 10,67%. Tiêu thụ sản phẩm thép dài đạt 2.618.145 tấn, giảm hơn với mức 16,96% so với cùng kỳ; sản lượng thép sản xuất trong nước cũng giảm 10,67% so cùng kỳ. Đặc biệt, nhập khẩu 6 tháng đầu năm cũng chưa bao giờ giảm sút như năm nay, với mức giảm 36,19%. Trong bối cảnh khó khăn nhiều doanh nghiệp đã tìm đường xuất khẩu nên lượng xuất khẩu thép xây dựng lại tăng mạnh, đạt 236.019 tấn, tăng 54,02%.

Ông Phạm Chí Cường - Chủ tịch Hiệp hội Thép Việt Nam cho biết, lượng tồn kho tháng 6 vừa rồi đã tăng đến 350.000 tấn, tháng 7 có thể còn cao hơn, khoảng 370.000 tấn. Đây là mức tồn kho cao hơn bình thường. Dự báo 6 tháng cuối năm 2012, lượng tồn kho tăng lên khoảng 15% so với các tháng đầu năm. Ông Cường nhấn mạnh: “Chưa bao giờ tình hình sản xuất của các doanh nghiệp thép khó khăn như hiện nay, có những doanh nghiệp 2-3 tháng không sản xuất”.

Tộ Minh

Phê duyệt dự án giảm phát thải khí nhà kính chống biến đổi khí hậu

Chương trình hành động quốc gia về “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng” (gọi tắt là REDD+) giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Mục tiêu tổng quát của Chương trình là giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính của rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học...

Dự án này là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015, mạng lưới REDD+ quốc gia được hình thành và hoạt động hiệu quả; góp phần bảo vệ diện tích rừng hiện có, nâng cao chất lượng và giá trị của rừng, giảm phát thải khí nhà kính. Giai đoạn 2016 - 2020, quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng, nâng độ che phủ rừng của cả nước lên 44 - 45%, bảo tồn đa dạng sinh học, đa dạng hóa và cải thiện sinh kế cho các chủ rừng và người dân.

PV